

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Toan

2. Bà Lê Thị Cẩm Hưng

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Bà Đào Ngọc Dung.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Đào Văn T, sinh năm 1986

Nơi sinh và HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên; dân tộc Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Đào Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị C; Vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không ; Nhân thân:

-Ngày 26/10/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản.

-Ngày 30/6/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

-Ngày 13/6/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “*có mặt tại phiên toà*”.

Người bị hại:

-Bà Vũ Thị Kim L, sinh năm 1944 “*có mặt*”

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1940. *Vắng mặt*

-Bà Phạm Thị N, sinh năm 1935. *Vắng mặt*

Đều cùng địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

-Bà Bùi Thị C, sinh năm 1962. *Có mặt*

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng

-Anh Đặng Thành T, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

-Bà Vũ Thị O, sinh năm 1957

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

-Ông Đặng Văn S, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn P, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

-Anh Đặng Văn M, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

-Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn H xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên

-Chị Đào Thị N, sinh năm 1992. *Có mặt.*

Địa chỉ: thôn L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

-Anh Đào Văn Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

(Những người làm chứng khác ngoài chị Nhung đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ sáng ngày 08/10/2018, bà Vũ Thị Kim L điều khiển xe đạp đi một mình đến bưu điện xã Đ lĩnh hộ lương hưu cho ông Phạm Văn Đ là chồng bà L và lĩnh hộ tiền trợ cấp cho bà Phạm Thị N là chị chồng bà L. Sau khi lĩnh tiền bà L để số tiền 4.355.000đồng kẹp vào sổ lương hưu của ông Đ và số tiền 695.000đồng kẹp vào sổ trợ cấp của bà N rồi cho vào 01 túi màu vàng đồng (loại túi đựng áo mưa). Ngoài ra bên trong túi của bà L còn có khoảng 600.000đồng để trong một chiếc ví thỏ cầm dạng ví dập khuy bấm bên trong. Bà L đi đến quán tạp hóa nhà ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1963 ở thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên mua 02 gói bim bim cho vào túi rồi để chiếc túi vào giỏ xe. Khi bà L đi đến đoạn đường gần UBND xã Đ thì bị một người thanh niên điều khiển xe nhãn hiệu Honda Lead màu vàng nhạt giật mất chiếc túi.

Quá trình điều tra Đào Văn T khai nhận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 08/10/2018, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 89H1-071.52 đi từ nhà đến khu vực xã Đ, huyện T với mục đích xem ai có sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi T mặc áo phông màu đen, quần soóc vải màu vàng và đội mũ lưỡi trai màu đen. T đi quanh khu vực xã Đ khoảng một tiếng đồng hồ nhưng không phát hiện ra ai, tài sản của nhà nào có sơ hở. Đến khoảng 8 giờ 30 phút, T đứng tại đoạn đường gần UBND xã Đ thì nhìn thấy bà Vũ Thị Kim L đang một mình điều khiển xe đạp đi từ hướng thôn A về thôn C, trong giỏ xe đạp của bà L có để 01 túi màu vàng đồng. T nghĩ bên trong túi có chứa tài sản nên điều khiển xe máy từ phía sau bên trái áp sát vào xe đạp rồi dùng tay phải giật chiếc túi để ở giỏ xe đạp của bà L. Bà L hô “Cướp, cướp, các ông các bà ời cướp” còn T điều khiển xe bỏ chạy về hướng

thôn C. Khi đi đến đoạn đầu đường thôn L thì T dừng lại xe lại kiểm tra trong túi thì thấy 02 gói bim bim, 60.000đồng và 01 ví thổ cẩm dạng ví gấp có khuy bấm bên trong có 560.000đồng. Do sợ bị phát hiện nên T lấy 560.000đồng cho vào túi quần phía trước bên phải mà T đang mặc rồi rút chiếc ví xuống đoạn cuối của nương nước bên phải đường đi. T treo chiếc túi vào xe máy rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến đường đê thuộc thôn H, xã H thì T mở chiếc túi của bà L lấy 60.000đồng cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc và cất hai gói bim bim vào cốp xe. T nhìn thấy trong túi có giấy tờ, sổ sách nên không kiểm tra nữa mà T dùng tay phải gấp túi lại ném xuống vệ đê. Trên đường đi về nhà T đã ăn hết hai gói bim bim còn số tiền 620.000đồng do cướp giật được T chi tiêu cá nhân hết.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Văn T phát hiện thu giữ 01 áo phông màu đen adidas; 01 quần soóc vải màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu đen là đồ dùng của T đã mặc khi đi cướp giật ngày 08/10/2018 tại thôn A, xã Đ, huyện T.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 89H1-071.52; 01 chiếc ví vải đã cũ, dạng ví gấp có khuy bấm bên trong; 01 áo phông màu đen adidas; 01 quần soóc vải màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 ví vải đã cũ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 23/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 ví vải đã cũ dạng ví gấp có khuy bấm bên trong, kích thước (19x9)cm có trị giá 30.000đồng; 02 gói bim bim mua ngày 08/10/2018 có giá 10.000đồng; túi đựng áo mưa, sổ lĩnh lương hưu mang tên ông Phạm Văn Đ, 01 sổ lĩnh tiền trợ cấp mang tên bà Phạm Thị N có giá trị 0 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Khi bà L bị T cướp giật tài sản thì bà L bị bất ngờ loạng choạng xe nhưng không bị ngã, không bị thương tích ở đâu và cũng không bị hỏng đồ vật, tài sản gì. Bà L yêu cầu T phải bồi thường số tiền và tài sản bị chiếm đoạt là 5.670.000 đồng. Còn ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị N nhất trí với yêu cầu T trả lại số tiền đã cướp giật cho bà L. Riêng đối với sổ lương hưu và sổ trợ cấp đã bị mất, ông Đ và bà N không yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 túi màu vàng đồng (loại túi đựng áo mưa) đã cũ bên trong có 01 sổ lĩnh lương hưu kẹp số tiền 4.355.000 của ông Phạm Văn Đ và 01 sổ lĩnh trợ cấp kẹp số tiền 695.000đồng của bà Phạm Thị N, ngày 11/10/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng không có kết quả.

Đối với 01 ví vải đã cũ, dạng ví gấp có khuy bấm bên trong, ngày 11/10/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành rà soát, truy tìm và đã thu được chiếc ví vải trên. Sau khi tiến hành nhận dạng chiếc ví thì bà L đã xác định được chiếc ví mà cơ quan điều tra vừa thu giữ chính là chiếc ví bà L đã bị cướp giật mất ngày 08/10/2018. Ngày 03/12/2018 cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại chiếc ví cho bà L.

Đối với 01 áo phông màu đen adidas; 01 quần soóc vải màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu đen thu giữ của T là đồ dùng cá nhân của T không phải công cụ, phương tiện phạm tội.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 89H1-071.52 mà Đào Văn T đã sử dụng để cướp giật tài sản đã xác định là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị C là mẹ đẻ T. Bà C không biết T sử dụng xe máy để đi cướp giật tài sản. Ngày 13/12/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe trên cho bà C. Bà C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên toà, bị cáo T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đối với số tiền trong túi mà bà L khai lĩnh lương hưu của ông Đ và của bà N do bị cáo không biết nên đã vứt chiếc túi đi. Nay bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại toàn bộ theo yêu cầu của bà L. Trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường cho bà L 3.000.000 đồng và tại phiên toà đã bồi thường tiếp cho người bị hại số tiền còn lại.

Bà L xác định tổng số tiền bà bị chiếm đoạt là 5.670.000 đồng. Trước và tại phiên toà, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bà toàn bộ số tiền trên. Nay bà không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ TNHS cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSTL ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Đào Văn T về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX thẩm tra tại phiên toà, lời khai của bị cáo T tại phiên toà có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 BLHS. Do đó, VKSND huyện T giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ TNHS cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bà L. Bà L không có yêu cầu đề nghị gì khác về phần dân sự đối với bị cáo nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

-Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 89H1-071.52 mà Đào Văn T đã sử dụng để cướp giật tài sản đã xác định là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị C là mẹ đẻ T. Bà C không biết T sử dụng xe máy để đi cướp giật tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C là có căn cứ.

-Đối với chiếc ví vải đã cũ, dạng ví gập có khuy bấm bên trong, cơ quan điều tra đã trả lại bà L là có căn cứ.

-Đối với 01 áo phông màu đen adidas; 01 quần soóc vải màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu đen là tài sản của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy

nhiên bị cáo không có yêu cầu được nhận lại các tài sản này do không còn giá trị sử dụng nên đề nghị HĐXX cho tiêu huỷ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo T nói lời sau cùng, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 08/10/2018 tại thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Đào Văn T đã có hành vi điều khiển xe máy Honda Lead BKS 89H1-071.42 cướp giật 01 túi màu vàng đồng bên trong có số tiền 5.670.000đồng; 01 ví vải đã cũ; 01 sổ lĩnh lương hưu mang tên ông Phạm Văn Đ; 01 sổ lĩnh tiền trợ cấp mang tên bà Phạm Thị N và 02 gói bim bim của bà Vũ Thị Kim L. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.710.000đồng. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô, áp sát người bị hại đang điều khiển phương tiện tham gia giao thông để cướp giật tài sản là một trong những thủ đoạn thực hiện tội phạm nguy hiểm. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với người bị hại là người già yếu (74 tuổi) nên bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là dùng thủ đoạn nguy hiểm và phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ. Do đó, bị cáo đã phạm tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 BLHS như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực TNHS, biết rất rõ hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn, hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại đề nghị giảm nhẹ một phần TNHS cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy phải áp dụng mức hình phạt thoả đáng đối với bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa hôm nay.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 BLHS thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Theo cung cấp của chính quyền địa phương và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trước và tại phiên tòa, bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bà L. Bà L đã nhận và không có yêu cầu đề nghị gì khác về phần dân sự đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

-Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 89H1-071.52 mà Đào Văn T đã sử dụng để cướp giật tài sản đã xác định là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị C là mẹ đẻ T. Bà C không biết T sử dụng xe máy để đi cướp giật tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C là có căn cứ.

-Đối với chiếc ví vải đã cũ, dạng ví gấp có khuy bấm bên trong, cơ quan điều tra đã trả lại bà L là có căn cứ.

-Đối với 01 áo phông màu đen adidas; 01 quần soóc vải màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu đen là tài sản của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo không có yêu cầu được nhận lại các tài sản này do không còn giá trị sử dụng nên cho tiêu hủy.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội **“Cướp giật tài sản”**

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Văn T 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/10/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị Kim L đã được bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu cho tiêu huỷ 01 áo phong màu đen adidas; 01 quần soóc vải màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu đen.

(Tình trạng số lượng vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng ngày 04/3/2019 giữa cơ quan Công an và Chi cục THADS T)

6. Về án phí: Bị cáo Đào Văn T phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu toà án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương

